

Bản án số 136/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/11/2018
V/v: Ly hôn giữa chị M với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc.
2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 294/2018/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 7 năm 2018 về việc: “Ly hôn giữa chị M với anh T” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2017/QĐXX- ST ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố 20, thị trấn E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Thân Sơn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 20, thị trấn E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày: Năm 2002, chị kết hôn với anh Thân Sơn T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh T ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh từ ngày 24/5/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Thân Văn T sinh được 02 con chung là Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016 và Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, trường hợp không được nuôi cả 02 con, chị xin được nuôi cháu L vì cháu còn nhỏ, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc M vắng mặt.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Thân Sơn T trình về điều kiện kết hôn như chị M đã trình bày. Anh và chị M thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng rồi lại hòa thuận. Anh và chị M đã có 02 con chung như chị M đã trình bày, chị M xin ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Thân Sơn T vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Ngọc M ly hôn anh Thân Sơn T. Về con chung: Giao cho chị M nuôi con nhỏ là Thân Thành L, anh T nuôi con lớn là Thân Trung H. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc M, anh Thân Sơn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M kết hôn với anh Thân Sơn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện Lục Nam ngày 11/9/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị M và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn chỉ là để gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Thân Sơn T sinh được 02 con chung là Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016 và Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu nên giao cho chị M nuôi con nhỏ Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016, anh Thân Sơn T nuôi con

lớn Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004 là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn với anh Thân Sơn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Ngọc M nuôi con Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016; anh Thân Sơn T con Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003299 ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân E;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

TAND HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 136/2018/HNGĐ- ST
Ngày 30/11/2018
V/v: Ly hôn giữa chị M với anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc.

2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 294/2018/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 7 năm 2018 về việc: “Ly hôn giữa chị M với anh T” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2017/QĐXX- ST ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố 20, thị trấn E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Thân Sơn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 20, thị trấn E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày: Năm 2002, chị kết hôn với anh Thân Sơn T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh T ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh từ ngày 24/5/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Thân Văn T sinh được 02 con chung là Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016 và Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, trường hợp không được nuôi cả 02

con, chị xin được nuôi cháu L vì cháu còn nhỏ, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc M vắng mặt.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Thân Sơn T trình về điều kiện kết hôn như chị M đã trình bày. Anh và chị M thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng rồi lại hòa thuận. Anh và chị M đã có 02 con chung như chị M đã trình bày, chị M xin ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Thân Sơn T vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Ngọc M ly hôn anh Thân Sơn T. Về con chung: Giao cho chị M nuôi con nhỏ là Thân Thành L, anh T nuôi con lớn là Thân Trung H. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc M, anh Thân Sơn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M kết hôn với anh Thân Sơn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện Lục Nam ngày 11/9/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị M và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M ly hôn anh T. Anh T không đồng ý ly hôn chỉ là để gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Thân Sơn T sinh được 02 con chung là Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016 và Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu nên giao cho chị M nuôi con nhỏ Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016, anh Thân Sơn T nuôi con lớn Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004 là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn với anh Thân Sơn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Ngọc M nuôi con Thân Thành L, sinh ngày 30/6/2016; anh Thân Sơn T con Thân Trung H, sinh ngày 16/02/2004.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003299 ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân

